UBND TỈNH TUYÊN QUANG **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN** **LÂM NGHIỆP SƠN DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 08../BC-CT	*Sơn Dương, ngày 31.. tháng 03 năm 2022*

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
Công ty TNHH lâm nghiệp Sơn Dương
Kỳ báo cáo: Năm 2021

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai tài chính của doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai tài chính của doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước.

Công ty TNHH lâm nghiệp Sơn Dương báo cáo đánh giá tình hình tài chính năm 2021 như sau:

1/ Tình hình bảo toàn và phát triển vốn

- Vốn chủ sở hữu: 33.000 triệu đồng, trong đó: Vốn góp của chủ sở hữu là 24.750 triệu đồng; Vốn góp của Công ty CP giấy An Hoà Tuyên Quang là: 8.250 triệu đồng.

- Tổng tài sản: 39.554 triệu đồng.

- Lợi nhuận sau thuế: 115,24 triệu đồng.

- Hiệu quả sử dụng vốn:

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) là: 3,35%

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) là 0,28%

2/ Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh ngiệp

a) Tình hình đầu tư dự án: Trồng, chăm sóc năm 1: 4.540 triệu đồng; chăm sóc năm 2: 637 triệu đồng; chăm sóc năm 3: 340 triệu đồng; bảo vệ rừng: 1.378 triệu đồng.

b) Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: không.

c) Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Tổng số vốn đã huy động trong kỳ báo cáo: 0 triệu đồng.

- Việc sử dụng vốn hiệu quả mang lại từ sử dụng vốn: Công ty chủ động trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, nên đã thực hiện cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao. Đời sống cán bộ công nhân viên trong Công ty được ổn định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và trách nhiệm với người lao động,

bảo toàn được vốn Nhà nước giao quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi, phát triển được vốn rừng

d) Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả:

- Đối với việc đầu tư mua sắm tài sản: Các bộ phận phòng ban, đội sản xuất trên cơ sở thực tế của đơn vị khi cần sửa chữa nhà cửa mua sắm trang thiết bị, đơn vị báo cáo Giám đốc được sự nhất trí của Giám đốc các phòng ban khảo sát để lập dự trù kinh phí trình giám đốc ký duyệt sau đó đơn vị thực hiện việc mua sắm trang thiết bị. số tiền mua là 314.958.000 đồng.

- Việc trích khấu tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Tổng số khấu hao năm 2021 là: 582,6 triệu đồng.

+ Tình hình xử lý hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất hoặc mất phẩm chất: Khi kiểm kê đánh giá Công ty thành lập hội đồng để xử lý và ra quyết định xử lý hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất hoặc mất phẩm chất. Trong kỳ Công ty đã xử lý: 435.808.257 đồng.

- Công ty đã ban hành quy chế quản lý nợ gửi đến các đơn vị liên quan theo quy định tại Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 51% vốn điều lệ trở lên. Định kỳ Công ty phân loại các khoản nợ từ đó có biện pháp xử lý thu hồi triệt để. Hạch toán, mở sổ sách kế toán theo dõi công nợ chi tiết đến từng đối tượng nợ, thực hiện đối chiếu công nợ phải thu, phải trả. Tuy nhiên, việc đối chiếu, ký xác nhận nợ phải thu, phải trả chưa đầy đủ theo quy định.

Đến thời điểm công nợ phải thu là 4.544 triệu đồng; nợ phải trả là 5.888,7 triệu đồng; Công ty không có nợ quá hạn. Khả năng thanh toán nợ là 6,72 lần; hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu là 0,18 lần.

3/ Tình hình sản xuất kinh doanh và tài chính của của doanh nghiệp

a) Về sản lượng sản xuất

- Trồng rừng: được 406,72 ha rừng đạt 101,68 % so với kế hoạch năm (kế hoạch năm là 400 ha).

- Khai thác, tiêu thụ gỗ: 22.469,34m^3 so với năm 2019: 18.637,34m^3 đạt 120,56%; so với năm 2020: 26.164,25m^3 đạt 85,88%; so với kế hoạch 25.000m^3 đạt 89,88%.

b) Về các chỉ tiêu tài chính

* Tổng doanh thu 25.693,2 triệu đồng so với năm 2019: 25.357,29 triệu đồng đạt 101,32%; so với năm 2020: 20.151,1 triệu đồng đạt 127,5%; so với kế hoạch được giao 36.457,55 triệu đồng đạt 70,47%

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 25.405,42 triệu đồng so với năm 2019: 25.078,63 triệu đồng đạt 101,3%; so với năm 2020: 19.670,52 triệu đồng đạt 129,15%; so với kế hoạch được giao 36.457,55 triệu đồng đạt 69,68%.

+ Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ: 22.768,16 triệu đồng so với năm 2019: 20.787,83 triệu đồng đạt 109,53%; so với năm 2020: 14.567,35triệu đồng đạt 156,3 %; so với kế hoạch được giao 31.428,25 triệu đồng đạt 72,44%.

+ Doanh thu hoạt động tài chính: 45,81 triệu đồng so với năm 2019: 1,15triệu đồng đạt 3.983,47%; so với năm 2020: 3,1 triệu đồng đạt 1.475,84%.

+ Chi phí tài chính: 0 triệu đồng.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp: 3.618,67 triệu đồng so với năm 2019: 3.172,45 triệu đồng đạt 114,07%; so với năm 2020: 3.551,08 triệu đồng đạt 101,9%; so với kế hoạch được 3.500 triệu đồng đạt 103,39%.

+ Thu nhập khác 241,97 triệu đồng so với năm 2019: 277,51 triệu đồng đạt 87,19%; so với năm 2020: 477,48 triệu đồng đạt 50,68%.

+ Chi phí khác 0,38 triệu đồng so với năm 2019: 272,35 triệu đồng đạt 0,14%, năm 2020: 1.129,78 triệu đồng đạt 0,03%.

+ Lợi nhuận khác: 241,59 triệu đồng so với năm 2019: 5,16 triệu đồng đạt -4.682,05%; so với năm 2020: -652,31 triệu đồng đạt 37,04%.

+ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: 134 triệu đồng so với năm 2019: 1.124,66 triệu đồng đạt 11,91%; so với năm 2020: 812,73 triệu đồng đạt 16,49%; so với kế hoạch 1.528,75 triệu đồng đạt 8,77%.

+ Chi phí thuế TNDN hiện hành 18,76 triệu đồng so với năm 2019: 225triệu đồng đạt 8,34%; so với năm 2020: 271,95 triệu đồng đạt 6,9%; so với kế hoạch 305,75 triệu đồng đạt 6,14%.

+ Lợi nhuận sau thuế TNDN: 115,24 triệu đồng so với năm 2019: 899,66 triệu đồng đạt 12,81 %; so với năm 2020: 540,78 triệu đồng đạt 21,31%; so với kế hoạch 1.223 triệu đồng đạt 9,42%

c) Về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp

- Khả năng sinh lời của Công ty là không cao trong 3 năm tiếp theo vì đánh giá lại giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi mô hình hoạt động làm tăng giá trị tài sản. Được thể hiện qua chỉ tiêu:

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) là 0,35%

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) là: 0,28%

d) Phân tích lưu chuyển tiền tệ trong kỳ báo cáo

Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh

- Tiền và tương đương tiền đầu kỳ là: 6.476,825.851đồng;

- Dòng tiền tạo ra cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021 thu 25.797.178.234 đồng và chi ra là 30.244.346.336 đồng.

- Số dư lưu chuyển tiền từ thuần hoạt động sản xuất kinh doanh là -4.447.168.102 đồng.

Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư

- Dòng tiền tạo ra cho các hoạt động đầu tư trong năm 45.809.956 đồng

- Số dư lưu chuyển tiền từ thuần hoạt động đầu tư trong đầu là 45.809.956 đồng.

Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

- Dòng tiền tạo ra cho các hoạt động tài chính trong năm thu là 0 triệu đồng.

- Dòng tiền tạo ra cho các hoạt động tài chính trong năm chi ra là 0 triệu đồng

- Số dư lưu chuyển tiền từ thuần hoạt động tài chính trong năm là 0 triệu đồng.

* Cân đối dòng tiền trong năm: 6.476.825.851- 4.401.358.146 = 2.075.467.705 đồng

**** Dự báo về lưu chuyển tiền tệ trong năm 2022:*** Dòng tiền lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính đảm bảo cho việc thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp nhưng không cao, do doanh thu và tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh chỉ vừa đủ cho chi phí sản xuất kinh doanh số dư lưu chuyển tiền từ các hoạt động sản xuất của doanh nghiệp thấp.

4/ Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

- Công ty đã tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế. Số thuế đã nộp năm 2021 là: 918,36 triệu đồng

- Công ty phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ theo đúng Điều 31 của Nghị định số số 91/2015/NĐ-CP. Số tiền lợi nhuận sau thuế phân phối năm 2021 là: 112,24 triệu đồng, trong đó: Quỹ đầu tư phát triển là .....triệu đồng, Quỹ thưởng ban quản lý là ..... triệu đồng, Quỹ khen thưởng, phúc lợi là ..... triệu đồng. Số tiền chi cho khen thưởng phúc lợi là: 416,16 triệu đồng, chi quỹ thưởng ban điều hành công ty là: 31,67 triệu đồng.

5/ Tình hình chấp hành chế độ chính sách và pháp luật trong đánh giá tuân thủ và chấp hành các quy định

Công ty chấp hành về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn Nhà nước có hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi, phát triển được vốn rừng. Chấp hành chế độ về thu nộp thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ và đúng quy định; chấp hành tốt các chế độ, chính sách về thuế, tài chính, chi trả tiền lương cho cán bộ công nhân viên theo đúng quy định như:

- Công ty đã tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế.

- Tiền lương, ăn ca cho người lao động: 5.975 triệu đồng.

- Và các chính sách khác của người lao động như: Kinh phí Công đoàn, bảo hiểm các loại, chế độ thai sản: 1.601 triệu đồng.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước nộp thuế là: 918,36 triệu đồng

6/ Giải trình của doanh nghiệp đối với các ý kiến đánh giá của kiểm toán độc lập, ý kiến của kiểm soát viên, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về báo cáo tài chính của doanh nghiệp

Công ty thực hiện nghiêm chỉnh các kiến nghị của Kiểm toán điều chỉnh quyết toán theo biên bản của kiểm toán, thực hiện theo kết luận của kiểm tra tài chính, thực hiện theo kết luận của kiểm tra thuế và ý kiến của kiểm soát viên, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về báo cáo tài chính của doanh nghiệp khi kiểm tra, thanh tra.

7/ Tình hình thực hiện việc cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Đến thời điểm 05/11/2020, Doanh nghiệp đã thực hiện chuyển sang Công ty TNHH 2 thành viên.

8/ Nguyên nhân không đạt chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận

- Do diễn biến phức tạp của dịch Covid 19 làm cho giá bán giảm 200.000đồng/m^3 so với năm 2019.

- Trong những năm gần đây do diễn biến phức tạp của bệnh trên cây trồng và bão gẫy làm giảm chất lượng rừng trồng, vì vậy nếu không khai thác tận thu diện tích rừng bị sâu bệnh, bão gẫy sớm sẽ làm mất vốn rừng (Năm 2021 ra Quyết định sử lý rừng sâu bệnh, kém chất lượng mất trắng 40,8 ha, khai thác tận thu rừng kém chất lượng: 179,4 ha)

- Đơn vị thu mua gỗ FSC trong năm không nhập hết hàng.

Từ những nguyên nhân trên dẫn đến doanh thu và lợi nhuận đạt thấp so với kế hoạch được giao. Đề nghị UBND xem xét khi xếp loại doanh nghiệp và người quản lý năm 2021 cho đơn vị.

9/ Kiến nghị

- Đề nghị UBND các cấp, các cơ quan chức năng tăng cường công tác tuyên truyền luật lâm nghiệp và phối hợp trong việc giải quyết tranh chấp đất đai, chặt phá rừng trồng. Để Công ty hoàn thành kế hoạch Nhà nước giao năm 2022.

10/ Kết luận:

- Công ty luôn được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, của các Sở ban ngành tỉnh Tuyên Quang, Huyện Ủy, Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương, đồng thời nhận được sự phối hợp chặt chẽ giữa Công ty với UBND các xã Thị trấn trên địa bàn huyện Sơn Dương.

- Cùng với sự cố gắng, phấn đấu nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên trong Công ty, chủ động trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, nên đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao. Đời sống cán bộ công nhân viên trong Công ty được ổn định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và trách nhiệm với người lao động, bảo toàn được vốn Nhà nước giao quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi, phát triển được vốn rừng. Xây dựng Công ty ngày càng ổn định và phát triển.

Phân loại doanh nghiệp: An toàn về tài chính

Nơi nhận:
- Sở Tài chính Tuyên Quang(B/cáo);
- Website Công ty;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LÂM NGHIỆP SƠN DƯƠNG

Nguyễn Hồng Thái

Biểu 07 - Mẫu số 01

TÌNH HÌNH BẢO TOÀN VỐN VÀ PHÁT TRIỂN VỐN NĂM 2021

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Dư cuối năm
A. Vốn chủ sở hữu, trong đó:	33.000tr.đ	.....tr.đ	.....tr.đ	33.000tr.đ
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	33.000tr.đ	.....tr.đ	.....tr.đ	33.000tr.đ
2. Quỹ Đầu tư phát triển	.....tr.đ	.....tr.đ	.....tr.đ	.....tr.đ
3. Nguồn vốn đầu tư XDCB	.....tr.đ	.....tr.đ	.....tr.đ	.....tr.đ
B. Tổng tài sản	41.160,19tr.đ	.....tr.đ	1.615,47tr.đ	39.544,72tr.đ
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)				

Thuyết minh tăng giảm quỹ trong năm (riêng các quỹ đặc thù được trích theo quy định của pháp luật phải giải trình cơ sở pháp lý, nguồn trích, cơ chế sử dụng).

- Quỹ đầu tư phát triển tăng do phân phối lợi nhuận sau thuế

Ghi chú: Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của Công ty mẹ

Lập biểu	Kế toán Trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Khánh Vân	Nguyễn Trung Thành	Nguyễn Hồng Thái

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LÂM NGHIỆP SƠN DƯƠNG

Biểu 06- Mẫu số 01

TÌNH HÌNH BẢO TOÀN VỐN VÀ PHÁT TRIỂN VỐN NĂM 2021

Chỉ tiêu	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Hệ số bảo toàn vốn
A. Vốn chủ sở hữu, trong đó:	**33.000,00**	**33.000,00**	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	33.000,00	33.000,00	
2. Quỹ Đầu tư phát triển			
3. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
B. Tổng tài sản	**32.989,42**	**41.321,61**	
C. Lợi nhuận sau thuế	**540,78**	**115,24**	
D. Hiệu quả sử dụng vốn			
1. Tỷ xuất LN sau thuế/Vốn CSH(ROA)	1,64	0,35	X
1. Tỷ xuất LN sau thuế/Tổng tài sản(ROE)	1,64	0,28	X

Lập biểu	Kế toán Trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Khánh Vân	Nguyễn Trung Thành	Nguyễn Hồng Thái

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LÂM NGHIỆP SƠN DƯƠNG
M.S.D.N: 5000128048-C.T.T.N.H.H SƠN DƯƠNG-T.TUYÊN QUANG

Biểu 02 - Mẫu số 01

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VỐN RA NGOÀI DOANH NGHIỆP NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

TT	Chỉ tiêu	Giá trị đầu tư (01/01/2019)	Phát sinh		Giá trị đầu tư 30/6/20.. hoặc 31/12/20..	Tỷ lệ vốn góp (%)	Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo	Tỷ lệ LN được chia trên vốn đầu tư (%)
			Tăng	Giảm				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*(9)=(8)/(6)*
A	**Đầu tư vào ngành nghề kinh doanh chính**							
I	Đầu tư vào công ty con							
II	Đầu tư vào Công ty liên kết							
III	Đầu tư tài chính khác							
B	**Đầu tư vào ngành nghề khác**							
I	Đầu tư vào công ty con							
II	Đầu tư vào Công ty liên kết							
III	Đầu tư tài chính khác	131,63						

GHI CHÚ: Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của công ty mẹ. Chỉ tiêu (8): Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên của doanh nghiệp có vốn góp.

Lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
		(Ký, đóng dấu)
Nguyễn Thị Khánh Vân	Nguyễn Trung Thành	Nguyễn Hồng Thái

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LÂM NGHIỆP SƠN DƯƠNG

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH lâm nghiệp Sơn Dương

Biểu 05B

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA VIÊN CHỨC QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

TT	Tên doanh nghiệp	Tỷ suất Lợi nhuận/Vốn CSH			Kết quả xếp loại Doanh nghiệp	Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của VCQL	Xếp loại hoạt động VCQL Doanh nghiệp
		Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện/Kế hoạch			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
	Công ty TNHH lâm nghiệp Sơn Dương	3,70	0,35	9,44	B	Tốt	Hoàn thành nhiệm vụ

Ghi chú : Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của Viên chức quản lý được phân loại theo các mức độ: Thực hiện tốt, Không thực hiện tốt và theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

Lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Khánh Vân	Nguyễn Trung Thành	Nguyễn Hồng Thái

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LÂM NGHIỆP SƠN DƯƠNG

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH lâm nghiệp Sơn Dương **Biểu số 02.C**

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Nội dung	Cùng kỳ năm 2019	Cùng kỳ năm 2020	Số liệu điều chỉnh từ 5/11 đến 31/12/2020	Thực hiện năm 2021			Biến động so với (tỷ lệ %)		
				Kế hoạch năm	Thực hiện kỳ	Số thực hiện năm nay sau khi bù trừ so báo cáo 2020	Cùng kỳ năm X-2	Cùng kỳ năm X-1	Kế hoạch năm
	[1]	[2]		[3]	[4]		[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
A.Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh									
1.Sản lượng sản xuất SP chủ yếu	18.637,34	26.164,25	15.102,79	25.000,00	22.469,34		120,56	85,88	89,88
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu	18.637,34	26.164,25	15.102,79	25.000,00	22.469,34		120,56	85,88	89,88
3. Tồn kho cuối kỳ									
B.Chỉ tiêu tài chính									
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.078,63	19.670,52	11.791,64	36.457,00	25.405,42		101,30	129,15	69,69
2. Các khoản giảm trừ doanh thu									
3. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.078,63	19.670,52	11.791,64	36.457,00	25.405,42		101,30	129,15	69,69
4. Giá vốn hàng bán	20.787,83	14.567,35	9.730,91	31.428,25	22.768,16		109,53	156,30	72,44
5. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.290,80	5.103,16	2.060,73	5.028,75	2.637,25		61,46	51,68	52,44
6. Doanh thu hoạt động tài chính	1,15	3,10	2,27	0,00	45,81		3.983,47	1.475,84	
7. Chi phí tài chính		90,15	13,61						
8. Chi phí bán hàng									

Nội dung	Cùng kỳ năm 2019	Cùng kỳ năm 2020	Số liệu điều chỉnh từ 5/11 đến 31/12/2020	Thực hiện năm 2021			Biến động so với (tỷ lệ %)		
				Kế hoạch năm	Thực hiện kỳ	Số thực hiện năm nay sau khi bù trừ so báo cáo 2020	Cùng kỳ năm X-2	Cùng kỳ năm X-1	Kế hoạch năm
	[1]	*[2]*		*[3]*	*[4]*		*[5]=[4]/[1]*	*[6]=[4]/[2]*	*[7]=[4]/[3]*
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.172,45	3.551,08	833,53	3.500,00	3.618,67		114,07	101,90	103,39
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.119,50	1.465,04	1.215,87	1.528,75	(935,61)		-83,57	-63,86	-61,20
11. Thu nhập khác	277,51	477,48	240,96		241,97		87,19	50,68	
12. Chi phí khác	272,35	1.129,78			0,38		0,14	0,03	
13. Lợi nhuận khác	5,16	(652,31)	240,96	0,00	241,59		4.682,05	37,04	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.124,66	812,73	1.456,83	1.528,75	(694,02)	134,00	11,91	16,49	8,77
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	225,00	271,95	106,80	305,75		18,76	8,34	6,90	6,14
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại									
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	899,66	540,78	1.350,03	1.223,00	(694,02)	115,24	12,81	21,31	9,42

GHI CHÚ: Cột (1), (2) : Theo Báo cáo tài chính các năm trước liền kề năm Báo cáo. Thông tin về chỉ tiêu tài chính lấy từ báo cáo tài chính doanh nghiệp nhà nước.

Lập biểu	Kế toán Trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Khánh Vân	Nguyễn Trung Thành	Nguyễn Hồng Thái

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LÂM NGHIỆP SƠN DƯƠNG

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH lâm nghiệp Sơn Dương **Biểu số 02.Đ**

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển sang năm sau
1. Thuế	**275.133.786**	**405.250.809**	**1.043.474.850**	**(363.090.255)**
- Thuế GTGT	61.904.497	99.508.670	123.059.520	38.353.647
- Thuế TNDN	213.229.289	(6.281.950)	677.851.109	(470.903.770)
- Thuế Xuất, nhập khẩu				0
- Thuế đất				0
- Các khoản thuế khác				0
2. Các khoản phải nộp khác				0
- Phí, lệ phí		3.000.000	3.000.000	0
- Các khoản phải nộp khác				0
+ Thuế TNCN		18.526.657	16.558.775	1.967.882
+ Thuế nhà đất. Tiền thuê đất		236.222.986	168.731.000	67.491.986
+ Các khoản khác		54.274.446	54.274.446	0
3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định				

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Dư cuối năm
1. Quỹ Đầu tư phát triển				0
2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	(858.245.887)	5.960.000	416.160.000	(1.268.445.887)
3. Quỹ thưởng VCQLDN	31.666.667		31.666.667	0
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN				
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)				

Thuyết minh tăng giảm quỹ trong năm (riêng các quỹ đặc thù được trích theo quy định của pháp luật phải giải trình cơ sở pháp lý, nguồn trích, cơ chế sử dụng)

Ghi chú: Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhà nước

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký)		(Ký, đóng dấu)
Nguyễn Thị Khánh Vân	Nguyễn Trung Thành	Nguyễn Hồng Thái

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Sơn Dương

Biểu 05.A

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

[Tên DN] Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Sơn Dương

[Loại hình DN] Doanh nghiệp 51% vốn nhà nước trở lên

Chỉ tiêu 1(tr.đồng)			Chỉ tiêu 2							Chỉ tiêu 3					Chỉ tiêu 4 Xếp loại	Chỉ tiêu 5 Xếp loại	Xếp loại DN
Doanh thu và thu nhập khác																	
KH	TH	Xếp loại	Lợi nhuận (triệu đồng)		Vốn CSH bình quân (triệu đồng)		Tỷ suất LN/vốn (%)		Xếp loại	Khả năng thanh toán nợ đến hạn			Nợ quá hạn (tr.đồng)	Xếp loại			
			KH	TH	KH	TH	KH	TH		TSNH (tr.đồng)	Nợ NH (tr.đồng)	TSNH/NNH (lần)					
36.457,00	25.693,20	C	1.223	115	33.000	33.000	3,70	0,35	C	33.680,00	5.888,70	5,72	0	A	A		B

Lập biểu	Kế toán trưởng	(Tổng) Giám đốc doanh nghiệp
(Ký)	(Ký)	(Ký, đóng dấu)
Nguyễn Thị Khánh Vân	Nguyễn Trung Thành	Nguyễn Hồng Thái

Biểu 02 – Mẫu số 02

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH

[Kỳ] Báo cáo: Năm 2021

TT	Tên doanh nghiệp	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận Thực hiện (triệu đồng)	Nộp ngân sách (triệu đồng)	Phân loại doanh nghiệp		Ghi chú
					An toàn về TC	Mất an toàn về TC	
A	Tập đoàn						
	.....						
B	Tổng công ty						
	.....						
C	Công ty TNHH lâm nghiệp Sơn Dương	25.693,20	115,24	1.043,47	X		

Kiến nghị của Chủ sở hữu:

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Khánh Vân	Nguyễn Trung Thành	Nguyễn Hồng Thái

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LÂM NGHIỆP SƠN DƯƠNG